

Số: 694/2024/QĐST-HNGĐ

G, ngày 07 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 629/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 05 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về con chung, tài sản chung khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị Diễm T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Nguyễn Kiệm, phường B, quận G, Tp. Hồ Chí Minh

- Ông Bùi Dương Vĩnh T1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Điện Biên Phủ, phường HH, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Lê Thị Diễm T và ông Bùi Dương Vĩnh T1 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2007, Quyền số 5, ngày 12/06/2007 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 22/05/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 05 năm 2024, bà T, ông T1 thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về con chung, tài sản chung.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Diễm T và ông Bùi Dương Vĩnh T1 thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2007, Quyền số 5, ngày

12/06/2007 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp cho bà T, ông T1 không còn giá trị).

- Về con chung: Có một con chung là Bùi Gia H, sinh ngày 03/02/2012, giao cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ, người thân thích; cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà T, ông T1 phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0013748 ngày 23/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.G;
- UBND xã Đ
- h. Đ, t. Đắk Nông;
- Chi cục THADS Q. G;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Tô Văn Mạnh